TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HS-ST
Ngày: 09-7-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Cảnh;

2. Ông Nguyễn Thanh Khoa.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Tuyết Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 30/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Ngô Thị H, sinh năm 1975 tại tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Ngô Xuân T, sinh năm 1933 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1943 (đã chết); Chồng: ông Vương Ngọc C, sinh năm 1975; Con: có một người con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/3/2024 đến nay. (Có mặt).

** Bị hại:*

Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

* *Người làm chứng*:

Ông Vương Ngọc C, sinh năm 1975 (Có mặt);

Nơi cư trú: ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 00 phút ngày 16/02/2024, bị cáo Ngô Thị H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71B1-625.37 để đi chợ M thuộc ấp F, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre. Khi đến sạp bán rau của bị hại bà Nguyễn Thị S, bị cáo H tắt máy xe và hỏi mua 5.000 (năm ngàn) đồng rau má. Trong lúc bị hại bà S đang lấy rau, bị cáo H thấy trên miệng cái giỏ đang treo trên tay cầm bên trái xe mô tô của bị hại (xe đậu dọc theo sạp của bị hại) có 01 (một) cái bóp da màu nâu xám, hình chữ nhật, bị cáo nghĩ trong bóp có tiền nên nảy sinh ý định lấy trộm. Bị cáo H dùng tay trái đưa vào miệng giỏ lấy cái bóp, rồi dùng tay trái cầm bóp vừa lấy được để lên tay cầm xe bên trái. Bị cáo H không lấy rau má, nổ máy xe mô tô chạy đi, đi khoảng 05 mét thì cái bóp bị rớt xuống đường, bị cáo khom xuống dùng tay trái nhặt bóp để lên ba ga xe, chạy ra khỏi khu vực chợ thì dừng xe lại lấy cái bóp bỏ vào cốp xe rồi tiếp tục điều khiển xe đi làm tại thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo H tan làm và điều khiển xe mô tô về nhà. Khi chạy đến giữa cầu C thuộc xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo H mở cốp xe, lấy cái bóp ra kiểm tra, phát hiện bên trong có 8.000.000 (tám triệu) đồng gồm nhiều mệnh giá: 50.000 (năm mươi nghìn) đồng, 100.000 (một trăm nghìn) đồng, 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, 500.000 (năm trăm nghìn) đồng và giấy tờ gồm: Căn cước công dân tên Nguyễn Thị S, Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị S, Giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 71B2-554.68, Giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy. Bị cáo H lấy tiền bỏ vào túi áo khoát bên trái, bỏ giấy tờ vào túi áo khoát bên phải, ném cái bóp xuống sông rồi điều khiển xe mô tô về nhà tại ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Số tiền lấy trộm được, bị cáo H dùng để thanh toán chi phí điều trị chấn thương do bị cáo bị tai nạn vào ngày 17/02/2024. Về số giấy tờ cá nhân của bị hại bà S, bị cáo H liên lạc và yêu cầu bị hại bà S cho bị cáo 1.000.000 (một triệu) đồng để nhận lại số giấy tờ trên. Đến 15 giờ ngày 05/3/2024, khi bị cáo H gặp bị hại bà S tại đầu chợ M để trả giấy tờ cho bị hại thì bị Công an thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre mời bị cáo về làm việc, bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của bị hại vào ngày 16/02/2024.

Vật chứng:

- 01 (một) Căn cước công dân, 01 (một) Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị S, 01 (một) Giấy đăng ký xe mang tên Đỗ Đức T1 và 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy mang tên Đỗ Đức T1, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã trả cho chủ sở hữu là bị hại bà S.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 71B1-625.37, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã trả cho chủ sở hữu là ông Vương Ngọc C.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại bàn phím màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen, có dòng chữ "X"; 01 (một) áo khoát nữ màu xanh lá,

loại thun, có dòng chữ Burberry trên ngực trái: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định pháp luật.

- 03 (ba) tờ giấy (loại giấy lịch lốc), có ghi số thứ tự 01, 02, 03 do bị hại bà S giao nộp theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 06/3/2024, lưu theo hồ sơ vụ án.

Đối với cái bóp, đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không tìm được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 11/4/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự đã kết luận: một cái bóp da hình chữ nhật, chiều dài khoảng 30cm, chiều rộng khoảng 15cm, mua mới năm 2023, giá 50.000 (năm mươi nghìn) đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, định giá tài sản, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo H đã tự nguyện bồi thường xong cho bị hại bà S số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 30/CT-VKSGT ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo H về "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về trách nhiệm hình sự: áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo H mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng. Hình phạt bổ sung: không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận bị cáo H đã tự nguyện bồi thường cho bị hại bà S số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng, bị hại bà S không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã: trả lại cho bị hại bà S 01 (một) căn cước công dân, 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị S, 01 (một) Giấy đăng ký xe mang tên Đỗ Đức T1, 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy mang tên Đỗ Đức T1, do thuộc quyền sở hữu của bị hại bà S; trả lại cho ông C 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 71B1-625.37, do thuộc quyền sở hữu của ông C, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo H.

Đề nghị trả lại cho bị cáo H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại bàn phím màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen, có dòng chữ "X" và 01 (một) áo

khoát nữ màu xanh lá, loại thun, có dòng chữ Burberry trên ngực trái, do đều không liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo H, bị cáo có yêu cầu nhận lại.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 01/7/2024 giữa Cơ quan điều tra với Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm).

Đề nghị tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 03 (ba) tờ giấy (loại giấy lịch lốc) có ghi số thứ tự 01, 02, 03 do bị hại bà S giao nộp theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 06/3/2024.

Bị cáo H khai nhận hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo đồng ý với kết luận định giá tài sản; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại bà S và xin được hưởng án treo.

Người làm chứng ông C trình bày: Ông là chồng của bị cáo H. Việc bị cáo H trộm cắp tài sản của bị hại bà S ông không biết. Ông không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Ngô Thị H và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Việc vắng mặt của bị hại bà Nguyễn Thị S tại phiên tòa, bị cáo H và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt bị hại. Xét thấy, trong quá trình điều tra, bị hại bà S đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại bà S là phù hợp theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Bị cáo Ngô Thị H có lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh và các chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở xác định: khoảng 05 giờ 00 phút, ngày 16/02/2024, tại Chợ M thuộc ấp F, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại bà S 01 (một) cái bóp có giá trị 50.000 (năm mươi nghìn) đồng, bên trong có số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo H đã

chiếm đoạt của bị hại bà S là 8.050.000 (tám triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại bà S có tổng giá trị là 8.050.000 (tám triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng. Bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ.

Do đó, hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên toà đối với bị cáo H là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo Ngô Thị H là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng chủ sở hữu tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo H gây ra.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo H đã tự nguyện bồi thường thiệt hại xong cho bị hại bà S; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại bà S xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đang nuôi con chưa thành niên. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà bị cáo H được hưởng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Như vậy, căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo H gây ra, xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng. Đồng thời, xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền nơi cư trú phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Do đó, căn cứ vào Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán

Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, quyết định cho bị cáo H được hưởng án treo.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng Hình sự, hủy bỏ Lệnh cấm khỏi nơi cư trú số 15/2024/LCĐKNCT-TA ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đối với bị cáo Ngô Thị H.

[6] Hình phạt bổ sung: Do nghề nghiệp của bị cáo Ngô Thị H là làm thuê, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Ngô Thị H đã bồi thường thiệt hại xong với số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng cho bị hại bà S; bị hại không yêu cầu bị cáo bồi gì thêm nên được ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) căn cước công dân, 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị S, 01 (một) Giấy đăng ký xe mang tên Đỗ Đức T1, 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy mang tên Đỗ Đức T1, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã trả lại cho bị hại bà S; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 71B1-625.37, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã trả lại cho ông C, đều phù hợp quy định pháp luật nên được ghi nhận.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen, có dòng chữ "X" và 01 (một) áo khoát nữ màu xanh lá, loại thun, có dòng chữ Burberry trên ngực trái, đều không liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo H, bị cáo có yêu cầu nhận lại nên trả lại cho bị cáo.

Đối với 03 (ba) tờ giấy (loại giấy lịch lốc) có ghi số thứ tự 01, 02, 03 do bị hại bà S giao nộp theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 06/3/2024, tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo Ngô Thị H về tội danh; điều luật áp dụng; nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo Ngô Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Thị H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo:

Xử phạt bị cáo Ngô Thị H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 09/7/2024.

Giao bị cáo Ngô Thị H cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Ngô Thị H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Ngô Thị H) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo (Ngô Thị H) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Ngô Thị H thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Hủy bỏ Lệnh cấm khỏi nơi cư trú số 15/2024/LCĐKNCT-TA ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đối với bị cáo Ngô Thị H.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Ngô Thị H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen, có dòng chữ "X"; 01 (một) áo khoát nữ màu xanh lá, loại thun, có dòng chữ Burberry trên ngực trái.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 01/7/2024, hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre quản lý).

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 03 (ba) tờ giấy (loại giấy lịch lốc) có ghi số thứ tự 01, 02, 03 do bị hại bà Nguyễn Thị S giao nộp theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 06/3/2024.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Ngô Thị H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo, bị hại;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến